

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Ngô Xuân Dệt, nghề nghiệp: Hưu trí, cư trú tại phường I, thành phố P.*
- 2. Ông Huỳnh Thế Dũng, nghề nghiệp: Giáo viên, công tác tại Trường Trung học cơ sở N, thành phố P.*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Ngô Đình D, sinh ngày: 06/9/1994 tại tỉnh B; nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Phú L huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Đình T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: *Ngày 26 tháng 10 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù, về tội “Dâm ô đối với trẻ em”, tại Bản án số 03/2015/HSST; ngày 11/5/2016 chấp hành xong hình phạt tù, theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 42/GCN ngày 11/5/2016 Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Điện Biên; đã nộp đủ số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007081 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; ngày 10 tháng 10 năm 2017, ra đầu thú tại Công an phường Đ, thành phố P và bị tạm giữ đến ngày 19/10/2017, bị khởi tố và bị tạm giam từ đó đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.*

Người bị hại: Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1999; nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Bà Bùi Thị X, sinh năm: 1977; nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là mẹ đẻ của người bị hại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Ngô Đình D đến tạm trú tại tổ 04, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai để làm nghề thợ mộc. Năm 2013, D và Bùi Thị Ánh T quen biết và yêu nhau.

Vào tối ngày 31 tháng 01 năm 2014, Ngô Đình D chở Bùi Thị Ánh T đi xem bắn pháo hoa đêm giao thừa. Đến khoảng 03 giờ ngày 01 tháng 02 năm 2014, D nói với Tuyết đi thuê phòng trọ để ngủ thì T đồng ý và cùng D **đi đến nhà nghỉ Ngọc Sơn tại số nhà 609/1 đường P, tổ 02, phường Đ, thành phố P thuê phòng ngủ. Tại đây, T và D đã quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, D chở Tuyết đi về nhà. Khoảng 02 tháng sau, T đi khám bệnh thì phát hiện đã có thai nên đã thông báo cho D biết. Sau đó, D đã liên lạc với mẹ của D và hai gia đình đã làm lễ cưới cho T và D, nhưng không đăng ký kết hôn vì T chưa đủ tuổi kết hôn. Sau đó, D và T thuê nhà trọ ở đường P, tổ 08, phường Đ, thành phố P để sống chung với nhau và đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau tại đây. Sống chung với nhau được khoảng 10 đến 15 ngày, thì cả hai phát sinh mâu thuẫn nên T bỏ về nhà mẹ ruột của mình ở, còn D thì về sinh sống ở thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B. Ngày 30/10/2014, bị hại Bùi Thị Ánh T sinh được 01 cháu gái và đặt tên là Bùi Thiên A. Ngày 05 tháng 01 năm 2015, bà Bùi Thị X đã làm đơn tố cáo Ngô Đình D có hành vi giao cấu với con mình là Bùi Thị Ánh T vào ngày 01 tháng 02 năm 2014 tại nhà nghỉ Ngọc Sơn ở đường P, thành phố P, tỉnh G. Ngày 10/10/2017, Ngô Đình D đến Công an phường Đ, thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đối với bị hại Bùi Thị Ánh T.**

Quá trình điều tra, người bị hại là Bùi Thị Ánh T khai báo về hành vi của bị cáo Dưng nhiều lần quan hệ tình dục với Bùi Thị Ánh T. Trong các lần quan hệ tình dục đó, Bùi Thị Ánh T đều tự nguyện. Lời khai của người bị hại trùng hợp lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm và số lần quan hệ tình dục.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 700/C54C(Đ5) ngày 20/10/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: *“Bùi Thiên A là con đẻ của Bùi Thị Ánh T và Ngô Đình D với xác suất 99,99999%”*.

Cáo trạng số: 29/CTr-VKS, ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Ngô Đình D về tội “*Giao cấu với trẻ em*”, theo các Điều: a, d Khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị tổn thất về tinh thần của người bị hại và chi phí cho việc nuôi con với số tiền 100.000.000 đồng.

Người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T và người đại diện hợp pháp của chị T là bà Bùi Thị X đều khai thống nhất với lời khai của chị đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo. Chị T yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thiệt hại do bị tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con với số tiền 100.000.000 đồng cho chị Bùi Thị Ánh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Ngô Đình D phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”; áp dụng các Điều: a, d khoản 2 Điều 115; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Ngô Đình D: Từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Buộc bị cáo Ngô Đình D phải bồi thường số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại và chi phí cho việc nuôi con theo sự thỏa thuận của bị cáo với người bị hại, số tiền là 100.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Đình D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 01 tháng 02 năm 2014, tại nhà nghỉ Ngọc Sơn ở tại số 609/1 đường P, tổ 02, phường Đ, thành phố P, tỉnh G, Ngô Đình D đã có hành vi giao cấu với chị Bùi Thị Ánh T khi bị hại đang ở độ tuổi trẻ em. Sau đó, tại nhà trọ mà cả hai thuê ở tại đường P, tổ 08, phường Đ, thành phố P, Ngô Đình D đã nhiều lần giao cấu với chị Bùi Thị Ánh T. Hậu quả làm bị hại Bùi Thị Ánh T có thai, và đã sinh con là Bùi Thiên A vào ngày 30/10/2014. Ngày 10/10/2017, Ngô Đình D đến Công an phường Đ, thành phố P đầu thú.

Tại thời điểm bị cáo D thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Bùi Thị Ánh T vào ngày 01 tháng 02 năm 2014, thì bị cáo Ngô Đình D đã trên 18 tuổi nhưng người bị hại là Bùi Thị Ánh T mới đủ 14 tuổi 8 tháng 23 ngày; các lần quan hệ tình dục tại nhà

trợ mà bị cáo và bị hại thuê thì lúc đó chị T chưa đủ 16 tuổi. Tất cả những lần quan hệ tình dục với bị cáo D, người bị hại là Bùi Thị Ánh T đều hoàn toàn tự nguyện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về mặt tình dục đối với người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T. Do đó, có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Ngô Đình D phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

[4] Các tình tiết liên quan trong vụ án và quyết định hình phạt:

Tình tiết định khung tăng nặng:

Bị cáo đã nhiều lần quan hệ tình dục với chị Bùi Thị Ánh T, đã làm cho người bị hại có thai nên hành vi đó của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng ở các Điểm: a, d Khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Đình D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 26 tháng 10 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Dâm ô đối với trẻ em*”, tại Bản án số 03/2015/HSST; ngày 11/5/2016 chấp hành xong hình phạt tù, theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 42/GCN ngày 11/5/2016 Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Điện Biên; đã nộp đủ số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007081 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi hành vi phạm tội bị tố giác thì bị cáo đã ra đầu thú tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra và xử lý tội phạm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Nguyên nhân phạm tội:

Đối với bị cáo: Tuy đã đủ tuổi thành niên và có đầy đủ nhận thức năng lực hành vi, nhưng chỉ vì ham muốn tình dục mà bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, để rồi giao cấu nhiều lần với chị Bùi Thị Ánh T khi chị trên 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi.

Đối với gia đình: Mẹ đẻ của người bị hại là bà Bùi Thị X đã không quản lý chặt chẽ và thiếu sự giáo dục về giới tính cho con gái chưa thành niên.

Sau khi phát hiện chị Bùi Thị Ánh T có thai thì mẹ của bị cáo và mẹ của bị hại đã tổ chức lễ cưới cho bị cáo và bị hại sống chung trong phòng trọ với nhau. Đây là nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện phạm tội nhiều lần.

Hình phạt: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, vì đã “Phạm tội nhiều lần” và đã để lại hậu quả “Làm cho nạn nhân có thai”. Vì vậy, cần cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt và cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T và người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Bùi Thị X yêu cầu bị cáo Ngô Đình D phải bồi thường thiệt hại để bù đắp tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con cho người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T, với số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T với số tiền 100.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo thống nhất với yêu cầu của người bị hại. Sự thỏa thuận này của bị cáo và người bị hại không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy, áp dụng Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Ngô Đình D phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và tiền chi phí nuôi con cho chị Bùi Thị Ánh T.

Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Đình D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Do bị cáo D phải bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con cho người bị hại số tiền 100.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Ngô Đình D phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

- Áp dụng các Điểm: a, d Khoản 2 Điều 115; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt Ngô Đình D 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 10 tháng 10 năm 2017.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Ngô Đình D phải bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và chi phí nuôi con cho người bị hại là chị Bùi Thị Ánh T, số tiền là 100.000.000 (bằng chữ: Một trăm triệu) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Ngô Đình D phải nộp 200.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 (bằng chữ: Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: Bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Nơi nhận:

- VKSND TP.P;
- Công an thành phố P;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo; -Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

